

◎病房等級暨收費一覽表(含病房費、護理費、診察費)

**BẢNG PHÂN LOẠI CẤP BẬC PHÒNG BỆNH VÀ THU PHÍ (gồm phí phòng bệnh, phí hộ lý và phí chẩn bệnh)**

病床等級 Phân cấp phòng bệnh	健保給付 BH Y Tế trả	健保補差額 BH Y Tế bù số chênh lệch	非健保自付 Phí tự trả	病房設備及供應品 Thiết bị phòng bệnh và các vật phẩm cung ứng
特甲病床 Phòng bệnh đặc biệt loại 1	1490 元 1490 Đài tệ	8000 元 8000 Đài tệ	9500 元 9500 Đài tệ	客廳、電視機兩台、電冰箱、電話、(電腦網路) 電動病床、盥洗用品一套、衛生紙。 Phòng khách, 2 máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, (máy vi tính lên mạng), giường bệnh điện động, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh
特乙病床 Phòng bệnh đặc biệt loại 2	1490 元 1490 Đài tệ	5000 元 5000 Đài tệ	6500 元 6500 Đài tệ	電視機、電冰箱、電話、(電腦網路)電動病床、盥 洗用品一套、衛生紙。 Máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, (máy vi tính lên mạng), giường bệnh điện động, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh
特丙病床 Phòng bệnh đặc biệt loại 3	1490 元 1490 Đài tệ	4000 元 4000 Đài tệ	5500 元 5500 Đài tệ	電視機、電冰箱、電話、電動病床、盥洗用品一 套、衛生紙。 Máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, giường bệnh điện động,, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh.
AB 棟特丁病床 Phòng bệnh loại 4 thuộc tòa nhà AB	1490 元 1490 Đài tệ	3500 元 3500 Đài tệ	5000 元 5000 Đài tệ	電視機、電冰箱、電話、電動病床、盥洗用品一 套、衛生紙。 Máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, giường bệnh điện động,, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh.
AB 棟一人病床 Phòng bệnh 1 giường thuộc tòa nhà AB	1490 元 1490 Đài tệ	3000 元 3000 Đài tệ	4500 元 4500 Đài tệ	電視機、電冰箱、電話、電動病床、盥洗用品一 套、衛生紙。 Máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, giường bệnh điện động,, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh.
CD 棟二人病床 Phòng bệnh 2 giường thuộc tòa nhà CD	1490 元 1490 Đài tệ	2000 元 2000 Đài tệ	3500 元 3500 Đài tệ	電視機、電話、電動病床、盥洗用品一套、衛生 紙、電冰箱兩床共用。 Máy truyền hình, tủ lạnh, điện thoại, giường bệnh điện động,, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh.
AB 棟二人病床 Phòng bệnh 2 giường thuộc tòa nhà AB	1490 元 1490 Đài tệ	1800 元 1800 Đài tệ	3300 元 3300 Đài tệ	電視機、電話、電動病床、盥洗用品一套、衛生 紙、電冰箱兩床共用。 Máy truyền hình, điện thoại, giường bệnh điện động,, 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh, tủ lạnh dùng chung.
AB 棟二人病床 Phòng bệnh 2 giường thuộc tòa nhà AB	1490 元 1490 Đài tệ	1600 元 1600 Đài tệ	3100 元 3100 Đài tệ	電視機、電話、電動病床、盥洗用品一套、衛生 紙、電冰箱兩床共用。 Máy truyền hình, điện thoại, giường bệnh điện động,, bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh, tủ lạnh dùng chung.
LDR 樂得兒產房	1490 元	2000 元	3500 元	電視機、電話、電動病床、盥洗用品一套、衛生

Phòng sản nhi LDR	1490 Đài tệ	2000 Đài tệ	3500 Đài tệ	紙、電冰箱。 Máy truyền hình, điện thoại, giường bệnh điện động., 1 bộ vật dụng buồng tắm, giấy vệ sinh, tủ lạnh.
三人病床	1490 元		1500 元	
Phòng bệnh 3 người	1490 Đài tệ		1500 Đài tệ	

## ◎探病時間 GIỜ THĂM BỆNH NHÂN

1. 一般病房為 Đối với những phòng bệnh thông thường 7 : 00-21 : 00  
精神科病房為 Đối với phòng bệnh khoa thần kinh 12 : 00-14 : 00 18 : 00-20 : 30
2. 內外科加護病房、心血管加護病房會客時間為 11 : 00-11 : 30 14 : 00-14 : 30  
Phòng chăm sóc đặc biệt thuộc nội khoa , khoa tim mạch 19 : 30-20 : 00
3. 呼吸照護中心會客時間 11 : 00~11 : 30 14 : 00~14 : 30  
Trung tâm chăm sóc hô hấp 19 : 30~20 : 00
4. 小兒、新生兒加護病房 10 : 30~11 : 00 14 : 30~15 : 00  
Phòng chăm sóc đặc biệt trẻ sơ sinh, nhi đồng 19 : 00~19 : 30
5. 精神科病房探病時間  
Đối với phòng bệnh khoa thần kinh 12:00-14:00 18:00-20:30。

## ◎住院費用負擔 CHI PHÍ NÀM VIỆN

- 一、 膳食費除了管灌飲食(鼻胃管灌食)由健保給付外，膳食費均由病患自付，其計算自開伙起算，並依餐收費，分別為：

Ngoài chi phí các loại thực phẩm đồ qua đường ống do Bảo Hiểm Y Tế thanh toán ra (Đường ống đồ thực phẩm được gắn từ mũi hoặc trực tiếp ở dạ dày), các loại thực phẩm khác phải do bệnh nhân tự chi trả, được tính toán tùy theo các bữa ăn phân loại như sau:

餐別/飲食種類 Bữa ăn/phân loại thực phẩm	普通飲食 thực phẩm thông thường	治療飲食 thực phẩm trị liệu	流質飲食 thực phẩm lỏng	特別飲食 thực phẩm đặc biệt	特殊調理飲食 thực phẩm điều dưỡng đặc biệt	牛奶.豆漿. 清流 sữa, đậu nành, dung dịch
早餐 Bữa ăn sáng	40	70	60	60	50	50
中餐 Bữa ăn trưa	70	80	60	120	210	55
晚餐 Bữa ăn tối	70	80	60	120	240	55

- 二、 健保病患應自行負擔費用：Bộ phận chi phí bệnh nhân có bảo hiểm y tế phải tự chi trả:

(一) 雖然您有全民健保，但依法您仍應對健保給付費用，自付一定比率，其比率如下：

Mặc dù bạn có Bảo Hiểm Y Tế Toàn Dân nhưng bạn vẫn phải chi trả một phần chi phí theo tỉ lệ nhất định như sau:

住院日數 1-30 日者，部分負擔比例為 10%

31-60 日者，部分負擔比例為 20%

60 日以上者，部分負擔比例為 30%

Bệnh nhân nằm viện có số ngày 1-30 ngày, tỉ lệ tự chi trả là 10%

Bệnh nhân nằm viện có số ngày 31-60 ngày, tỉ lệ tự chi trả là 20%

Bệnh nhân nằm viện có số ngày là 60 ngày trở lên, tỉ lệ tự chi trả là 30%

(二) 病人每次入住院三十日以下應自行負擔之費用，最高上限為新台幣二萬四千元(限同一疾病)，若當年入住醫院二次或二次以上，而全年入住院三十日以下，其自行負擔金額最高上限為新台幣四萬七千元者(不限同一疾病)，前二項自行負擔上限，將隨健保規定變動而調整。

Trong trường hợp bệnh nhân mỗi lần nhập viện từ 30 ngày trở xuống, bộ phận chi phí tự trả giới hạn cao nhất là 24 ngàn Đài tệ (chỉ giới hạn áp dụng cho cùng một loại bệnh). Nếu trong một năm nhập viện từ hai lần trở lên nhưng tổng số ngày nằm viện dưới 30 ngày, thì bộ phận chi phí tự trả giới hạn cao nhất là 47 ngàn Đài tệ (không giới hạn áp dụng cho cùng một loại bệnh). Mức giới hạn cao nhất của bộ phận chi phí tự trả theo qui định của Bảo Hiểm Y Tế, được điều chỉnh theo sự thay đổi của qui định.

(三) 免自行負擔項目如下：

Những khoản mục được miễn bộ phận chi phí tự trả như sau:

1. 重大傷病 Những bệnh thương tích nặng
2. 分娩 Sinh con
3. 接受第三十二條所定之預防保健服務 Tiếp nhận những phục vụ phòng bệnh, bảo vệ sức khỏe thuộc qui định ở điều khoản thứ 32.
4. 山地離島地區之就醫 Khám bệnh tại vùng núi, vùng đảo xa
5. 其他：榮民、福保、職傷、職病、百歲人瑞、三歲以下兒童  
Những đối tượng khác: người dân đạt danh hiệu vẻ vang, phúc lợi bảo hiểm, thương tích trong nghề nghiệp, bệnh nghề nghiệp, những người trên 100 tuổi, trẻ em dưới 3 tuổi.

三、 依健保規定，以下各項為全民健保不給付，需由病人自費(全民健康保險法第三十九條、第五十八條)：

Theo như Bảo Hiểm Y Tế qui định, những khoản mục dưới đây Bảo Hiểm Y Tế Toàn Dân không thanh toán, mà phải do bệnh nhân tự chi trả ( theo qui định của Bảo Hiểm Y Tế Toàn Dân điều khoản thứ 39, thứ 58):

1. 藥癮治療、美容外科手術、非外傷治療性齒列矯正、預防性手術、人工協助生殖、變性手術、預防接種、酒癮及家暴、性暴相關法令入院治療，其診斷不符合健保給付規定者。  
Trị liệu nghiện thuốc, phẫu thuật thẩm mỹ ngoại khoa, chỉnh đốn răng không mang tính trị liệu ngoại thương, phẫu thuật mang tính dự phòng, trợ giúp sinh sản nhân tạo, phẫu thuật đổi giới tính, tiêm ngừa, nghiện rượu và bạo lực gia đình, bị hãm hiếp nhập viện theo pháp lệnh, những bệnh chẩn đoán không phù hợp qui định thanh toán của Bảo Hiểm Y Tế.
2. 成藥、醫師指示用藥。  
Thuốc bào chế sẵn, thuốc do bác sĩ chỉ định.
3. 指定醫師、特別護士及護理師。  
Chỉ định bác sĩ, y tá đặc biệt và kỹ thuật viên hộ lý.
4. 血液。但因緊急傷病經醫師診斷認為必要之輸血不在此限。  
Tiếp máu, nhưng trong trường hợp bị thương nặng nguy cấp do bác sĩ chẩn đoán nhất thiết phải tiếp máu thì không nằm trong giới hạn này.
5. 人體試驗。

	Thí nghiệm cơ thể người
6.	日間住院。但精神病人照顧不在此限。 Nằm viện vào ban ngày; nhưng đối với bệnh nhân thần kinh không thuộc vào giới hạn này.
7.	管灌飲食以外之膳食，病房費差額。 Tất cả thực phẩm ngoại trừ thực phẩm đồ bằng đường ống cho bệnh nhân ra; số tiền chênh lệch từ chi phí phòng bệnh.
8.	病人交通、掛號、證明文件。 Phí giao thông của bệnh nhân, phí đăng ký khám bệnh, phí xin cấp giấy tờ.
9.	義齒、義眼、眼鏡、助聽器、輪椅、柺杖及其他非具積極治療性之器具。 Răng giả, mắt giả, mắt kiếng, máy trợ thính, xe đẩy, gậy chống và những dụng cụ không mang tính trị liệu tích cực.
10.	其他經主管機關公告不給付之診療服務及藥品。 Những phục vụ trị liệu và dược phẩm khác mà cấp quản lý cơ quan thông báo không thanh toán.

四、 本院所提供全民健保不給付之醫療服務項目，本院均會事先告知病人，獲得其同意，並填具 **自費同意書**。但緊急情況為治療所必須者，無法事先告知病人或其家屬，不在此限。

Đối với những khoản mục phục vụ điều trị của Bệnh Viện mà Bảo Hiểm Y Tế Toàn Dân không thanh toán, Bệnh Viện đều sẽ thông báo trước cho bệnh nhân biết rõ và thông qua sự chấp nhận và điền vào “Đơn chấp thuận tự thanh toán chi phí” của bệnh nhân. Tuy nhiên trong tình trạng cần cấp và bức thiết, Bệnh Viện không thể thông báo trước cho bệnh nhân và người nhà thì sẽ không nằm trong giới hạn này.

五、 自費病人，住院期間各項費用每星期結算一次，病人接到繳款單後，請於三日內至二樓住院處繳付。

Đối với bệnh nhân tự túc trả chi phí, trong thời gian nằm viện sẽ thanh toán các loại chi phí mỗi tuần 1 lần. Bệnh nhân sau khi nhận được giấy báo thanh toán chi phí đến nộp tiền tại Quầy Nằm Viện ở lầu 2.

六、 健保給付病人住院期間各項費用。

Các khoản mục chi phí trong thời gian nằm viện đối với bệnh nhân có Bảo Hiểm Y Tế

住健保床： 1-2 星期費用超過一萬元時結算一次。

Nằm viện do Bảo Hiểm Y Tế thanh toán: khi chi phí trong 1-2 tuần vượt quá 10 ngàn Đài tệ sẽ thanh toán 1 lần.

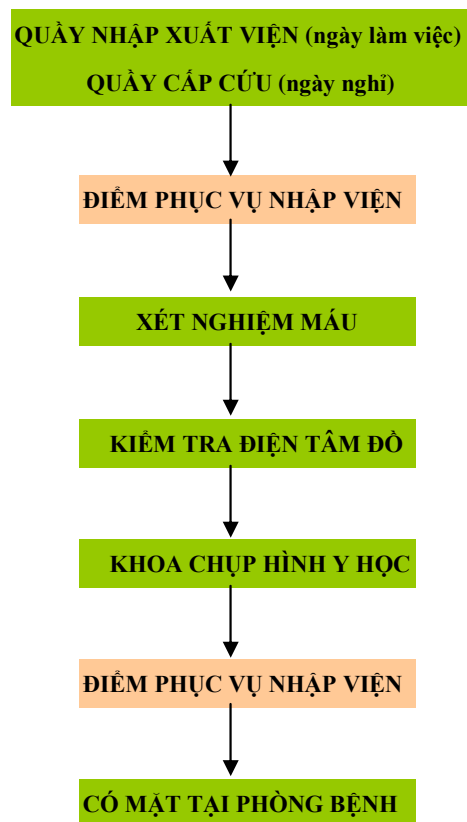
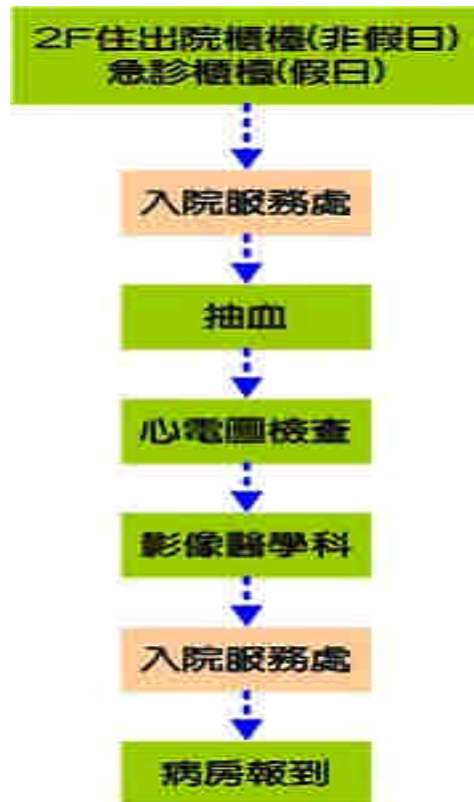
住補差額病床：費用超過 2 萬元時結算一次。

Nằm viện theo phương thức thanh toán trên số tiền chênh lệch chi phí giường bệnh: khi chi phí vượt quá 20 ngàn Đài tệ sẽ thanh toán 1 lần

病人接到繳款單後，請於三日內至二樓住院處繳付。

Bệnh nhân sau khi nhận được giấy thông báo đóng tiền, xin đến thanh toán tại Quầy Nằm Viện ở lầu 2.

◎亞東醫院住院流程 LƯU TRÌNH NHẬP VIỆN BỆNH VIỆN Á ĐÔNG



## ◎ 出院手續與轉院申請 THỦ TỤC XIN XUẤT VIỆN VÀ CHUYỂN BỆNH VIỆN

一、住院病人經醫師診斷無繼續住院必要並通知出院而不出院者，其繼續住院之費用，健保將不予給付，相關費用應自行負擔。

Bệnh nhân nằm viện đã được bác sĩ chẩn đoán thông báo cho xuất viện nhưng không muốn xuất viện, thì những chi phí do tiếp tục nằm viện sẽ không được Bảo Hiểm Y Tế thanh toán mà phải hoàn toàn tự chi trả.

二、您可以依您的自由意願隨時申請出院。但若醫師認為您病情尚未痊癒不應出院，您仍要求出院，依規定（醫療法第五十二條），您或您家屬需簽具「自動出院同意書」後辦理出院手續。

Bạn có thể tùy ý tự nguyện xin xuất viện vào bất cứ lúc nào. Nhưng nếu bệnh viện nhận thấy tình trạng bệnh của bạn chưa hoàn toàn hồi phục không nên xuất viện mà bạn vẫn yêu cầu được xuất viện, theo như qui định (Pháp luật về y học trị liệu điều thứ 52), bạn hoặc người nhà phải ký tên vào Văn Bản Tự Ý Xin Xuất Viện, sau đó sẽ làm thủ tục xuất viện.

三、關於出院手續，病房書記會於辦理好結帳手續後通知您，請您持【病人異動通知單】和健保 IC 卡，至二樓住院處櫃檯辦理出院手續，結帳後請再將【病人異動通知單】交回護理站，護理人員將您的出院帶藥交給您後即可離院。

Đối với thủ tục xuất viện, Hội Đồng Thư Ký Phòng Bệnh sau khi làm các thủ tục thanh toán sẽ thông báo cho bạn biết. Bạn cầm Giấy thông báo biến động bệnh nhân và thẻ Bảo Hiểm Y Tế đến lầu 2 Quầy Nằm Viện để lo các thủ tục xuất viện, đóng tiền chi phí, sau đó cầm Giấy thông báo biến động bệnh nhân nộp cho Trạm Hộ Lý. Nhân viên Hộ Lý sẽ đưa thuốc cho bạn và bạn có thể xuất viện.

四、本院有提供金融卡轉帳繳費服務。

Bạn có thể dùng thẻ tín dụng chuyển khoản để thanh toán chi phí ngay tại Bệnh Viện

五、醫護人員於病人出院前，將詳細告知病人出院後之服藥、自我照顧上注意事項，門診回診和轉診事宜。

Trước khi bệnh nhân xuất viện, bác sĩ và y tá sẽ nói rõ cho bệnh nhân biết cách uống thuốc, cách tự chăm sóc và những điều cần chú ý, cùng với việc trở lại tái khám hoặc chuyển phòng khám.

六、本院因限於設備及專長，無法確定病人病因或提供病人完整之治療時，會建議病人轉院，並填具轉診病歷摘要送交病人，但針對危急病人，本院仍先作適當之急救處置，始將病人轉診。

Do Bệnh Viện có giới hạn về thiết bị và chuyên môn, khi không thể xác định nguyên nhân căn bệnh và không thể cung cấp cho bệnh nhân đầy đủ trị liệu, bệnh viện sẽ đề nghị bệnh nhân chuyển bệnh viện; đồng thời sẽ giao cho bệnh nhân Trích Yếu Bệnh Lý để chuyển viện. Tuy nhiên, đối với những bệnh nhân nguy hiểm cần cấp cứu, Bệnh Viện vẫn sẽ tiến hành các xử lý cấp cứu trước rồi mới cho bệnh nhân chuyển bệnh viện.

## ◎本院門禁管制規定 NHỮNG QUI ĐỊNH QUẢN CHẾ CỦA BỆNH VIỆN

1. 本院大門門禁於 06:00 開放、22:00 關閉，關閉時請改由後門出入，且需經由保全人員執行登記管制措施。

Cổng chính của Bệnh Viện mở cửa lúc 06:00 và đóng cửa lúc 22:00. Khi đã đóng cửa chính, xin sử dụng cửa sau để đi vào Bệnh Viện, đồng thời phải thông qua quản chế do nhân viên bảo vệ an ninh tiến hành đăng ký ghi tên.

2. 12 歲以下兒童抵抗力較弱，儘量勿帶來探病及陪病。

Trẻ em dưới 12 tuổi do sức đề kháng yếu nên hạn chế dẫn theo hoặc đến thăm bệnh nhân tại bệnh viện.

3. 院內全面禁止抽菸(2009 年 1 月 19 日起室內工作及公共場所全面禁菸,吸菸者罰 2 千至 1 萬元罰鍰)、喝酒、嚼檳榔、隨地丟垃圾、大聲喧嘩及嚴禁聚賭行爲。

Trong phạm vi bệnh viện tuyệt đối cấm hút thuốc (Từ ngày 19/01/2009 cấm hút thuốc trong phòng làm việc và nơi công cộng, vi phạm sẽ bị phạt 2 ngàn Đài tệ-10 ngàn Đài tệ.

4. 每日 21:10 總機廣播請探病親友離開病房，21:30 請探病親友離開病房以維病房安寧及病患充分休養。  
Để duy trì sự yên tĩnh và giúp bệnh nhân nghỉ ngơi đầy đủ, mỗi ngày lúc 21:10, Tổng Đài sẽ phát thanh thông báo thân nhân rời thăm phòng bệnh và thân nhân nên rời khỏi phòng bệnh trước 21:30.